

CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Trần Hữu Luyện¹⁾

1. Nói về cơ sở tâm lý học dạy học ngoại ngữ là đề cập đến mặt tâm lý học của những yếu tố cơ bản, trọng tâm nhất của dạy học. Trong dạy học, kể cả dạy học ngoại ngữ, có hai yếu tố cơ bản, trọng tâm nhất, đó là người học và môn học. Cũng có ý kiến đưa thêm yếu tố người dạy. Tất nhiên đây là yếu tố quan trọng. "Không thầy, đồ mày làm nên", song, suy cho cùng, đi tìm cơ sở tâm lý học cho dạy học thì phải tìm ở chính người học và môn học, chính xác hơn là phải tìm ở người học, môn học và ở mối quan hệ giữa chúng với nhau. Đây chính là điểm cốt lõi, mối quan hệ bản chất, bên trong của dạy học, còn yếu tố người dạy đâu sao cũng chỉ là mối quan hệ bên ngoài. Chính sự dạy dỗ của người thầy cũng phải dựa vào mặt tâm lý học của người học và môn học.

Mặt tâm lý học của người học và môn học chính là mặt nhận thức môn học của người học và mặt bản chất tâm lý của môn học. Vấn đề lớn, mang tính triết học, nhưng cũng rất thực tiễn, đặt ra là người học lĩnh hội (nhận thức) môn học thế nào? Bản chất tâm lý của nội dung môn học là gì? Đối với dạy học ngoại ngữ thì nội dung môn học là ngoại ngữ - một ngôn ngữ nước ngoài cụ thể. Do đó, đi tìm cơ sở tâm lý học cho dạy học ngoại ngữ cần phải làm rõ người học nhận thức (lĩnh hội) ngôn ngữ thứ hai như thế nào? Những điểm giống và

khác so với nhận thức ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ)? Và phải chỉ ra được bản chất tâm lý của ngôn ngữ là gì? Mối quan hệ giữa người học và ngoại ngữ đó ra sao? Tất nhiên còn cả các vấn đề trình độ, năng lực, hứng thú, thái độ, v.v... của người học, song đó chỉ là những điều kiện của nhận thức. Điểm cốt lõi của mặt tâm lý học ở đây chính là vấn đề nhận thức thế nào về nội dung môn học, người học giữ vai trò gì trong quan hệ với môn học. Giải quyết những vấn đề này sẽ giúp cho việc xác định những quan điểm khoa học, phương pháp tiếp cận, mục đích, nội dung và cả hệ phương pháp cụ thể của dạy học ngoại ngữ. Đây là những điểm rất ban đầu, xuất phát, tiên quyết nhưng quan trọng, cơ bản, cần phải thấy để xây dựng một cơ sở tâm lý học khoa học cho dạy học ngoại ngữ. Không thấy những điểm này thì chỉ là nói những cái xung quanh, bên ngoài, thứ yếu về cơ sở tâm lý học của dạy học.

2. Đã có nhiều ngành tâm lý học đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi lớn, cơ bản và quan trọng nêu trên. Lịch sử phát triển tâm lý học và lý luận dạy học đã cho thấy có ba ngành tâm lý học, mà những câu trả lời cho những câu hỏi đó đã có ảnh hưởng chi phối, quyết định các phương hướng, mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học ngoại ngữ. Đó là tâm lý học liên tưởng, tâm lý học hành vi và tâm lý học hoạt động.

¹⁾ PGS. TS., Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

2.1. Tâm lí học liên tưởng được xây dựng dựa trên quan niệm triết học máy móc thế kỉ XVII của J. Lokk, T. Hobbs, B. Spidona và quan niệm khoa học tự nhiên thế kỉ XVIII của Đ. Gartli, cũng như quan niệm triết học duy tâm của J. Becoli, Đ. Ium. Trong quan điểm tâm lí học này khái niệm "liên tưởng" được khẳng định như một phương pháp tiếp cận có tính nguyên tắc để giải quyết các vấn đề của đời sống tâm lí người nói chung và các vấn đề về nhận thức nói riêng. Những luận điểm cơ bản của tâm lí học liên tưởng về nhận thức có thể tóm tắt như sau:

- Điểm xuất phát trong nhận thức người là cái bộ phận (cảm giác);

- Cái toàn bộ (tri giác) không phải là cái gì khác sự thống nhất độc đáo (liên tưởng) các cái bộ phận đó. Tư tưởng, tình cảm cũng là sự liên tưởng các cái bộ phận như vậy;

- Kết quả của sự liên tưởng đó (kết quả tri giác, tức các hình ảnh, hình tượng về sự vật, hiện tượng) được lưu lại trong trí nhớ (biểu tượng);

- Tính bền vững của liên tưởng (của trí nhớ, biểu tượng) chủ yếu được xác định bởi tần số lặp lại của liên tưởng;

- Sự củng cố kết quả của trí nhớ (biểu tượng) sẽ dẫn đến khái niệm, tức kết quả của tư duy.

Như vậy, khâu trung tâm, khâu cơ bản nhất, mấu chốt nhất của tâm lí học liên tưởng là trí nhớ. Trí nhớ là tất cả. Chỉ cần củng cố trí nhớ, không phải tư duy, vẫn sẽ có khái niệm. Chính vì vậy mà dạy học ngoại ngữ và dạy học nói chung lấy tâm lí học liên tưởng làm cơ sở lí luận đã tập trung vào chăm chú biểu tượng của trí nhớ, đã đặt cho mình nhiệm vụ là phải xác

định các điều kiện và quy luật giữ gìn tài liệu học tập, nhớ và quên, mà không đặt ra nhiệm vụ tích cực hoá hoạt động tư duy của người học. Do chỗ coi sự bền chặt của liên tưởng phụ thuộc vào sự lặp lại nhiều lần nên dạy học đã coi "Ôn tập là mẹ đẻ của học tập". Điều này về sau đã bị tâm lí học so sánh, tâm lí học động vật (ra đời ở thế kỉ XIX) bác bỏ, khi phát hiện ra nguyên tắc luyện tập quyết định kết quả nhận thức, chứ không phải ôn tập, sự lặp lại đơn thuần. Còn sự nhận thức đi từ cái bộ phận về sau cũng bị tâm lí học Gestal - tâm lí học cấu trúc (ra đời và tồn tại ở nửa đầu thế kỉ XX) phê phán, khi khẳng định tính trọn vẹn và độc đáo về chất lượng của mỗi quá trình tâm lí, kể cả của các quá trình nhận thức. Đặc biệt, luận điểm cho rằng sự củng cố các biểu tượng bằng con đường tri giác và trí nhớ để có khái niệm thì nhiều quan điểm tâm lí học sau này, đặc biệt là tâm lí học nhận thức, tâm lí học phát triển và tâm lí học hoạt động, đã hoàn toàn phủ nhận. Đây là chỗ yếu nhất, thiếu khoa học nhất, chỗ sai lầm hoàn toàn, sai lầm chết người của tâm lí học liên tưởng và cùng với nhiều tồn tại khác tâm lí học liên tưởng đã rơi vào bế tắc, khủng hoảng vào cuối thế kỉ XIX, dẫn đến sự ra đời hàng loạt các quan điểm tâm lí học mới vào đầu thế kỉ XX, trong đó có tâm lí học hành vi và tâm lí học hoạt động.

Ngôn ngữ trong tâm lí học liên tưởng được hiểu là hệ thống cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, do đó để nắm vững (lĩnh hội) một ngoại ngữ cụ thể người học cần phân tích các hiện tượng ngôn ngữ, dịch từ và văn bản, đối chiếu hai thứ tiếng để nắm vững (ghi nhớ) từ vựng và ngữ pháp. Tâm lí học liên tưởng giải thích rằng tác động của các đối tượng gây ra cảm giác tạo nên hình

ảnh, biểu tượng tương ứng với từ (hay cấu trúc ngữ pháp). Từ (hay cấu trúc ngữ pháp) cũng tạo nên hình ảnh, biểu tượng và bằng cách liên tưởng có thể liên hệ trực tiếp với từ (hay cấu trúc ngữ pháp) tiếng nước ngoài. Như vậy tạo ra chuỗi: đối tượng - hình ảnh (biểu tượng) của nó - hình ảnh (biểu tượng) từ (hay cấu trúc ngữ pháp) tiếng mẹ đẻ - hình ảnh (biểu tượng) từ (hay cấu trúc ngữ pháp) tiếng nước ngoài.

Chính vì vậy mà đường hướng dạy học ngoại ngữ ở giai đoạn này là dạy từ ngữ (chứ không phải sinh ngữ), mục đích chính trong dạy học ngoại ngữ là nắm vững (ghi nhớ) kiến thức ngôn ngữ, nội dung dạy học là hệ thống ngữ pháp và từ vựng, phương pháp chính là phương pháp ngữ pháp- phiên dịch, tiếng mẹ đẻ được trọng dụng, con đường học tập là con đường có ý thức, v.v... Song như chúng ta đã biết, tâm lý học liên tưởng đã rơi vào khủng hoảng, do đó việc dạy học ngoại ngữ như vừa nêu đã không còn đứng vững. Tuy vậy ảnh hưởng của tâm lý học liên tưởng đến dạy học, kể cả dạy học ngoại ngữ vẫn còn kéo dài mãi đến giữa thế kỉ XX, thậm chí trên thực tế nhà trường còn muộn hơn thế. Ngày nay tâm lý học liên tưởng không còn là cơ sở khoa học tâm lý của dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng nữa, song những nội dung về dạy học kiến thức và củng cố trí nhớ thì không phải là đã hết giá trị.

2.2. Đi tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng tâm lý học cuối thế kỉ XIX với mong muốn tiến bộ xây dựng một nền tâm lý học khách quan, thiết thực phục vụ xã hội, tâm lý học hành vi đã ra đời vào thập kỉ thứ hai của thế kỉ XX. Người sáng lập ra tâm lý học hành vi là nhà tâm lý học Mĩ J. Watson.

Tâm lý học hành vi được xây dựng trên cơ sở triết học thực dụng và thực chứng Mĩ.

Ra đời trong bối cảnh của nền sản xuất công nghiệp Mĩ đã khá phát triển nên nó máy móc hoá cả con người. Khái niệm quan trọng, cơ bản của tâm lý học hành vi là "hành vi", sự biểu hiện ra bên ngoài của tâm lý, cái phần có thể cân, đong, đo, đếm, nhận thức được. Những luận điểm cơ bản của tâm lý học hành vi như sau:

- Không mô tả, giảng giải tâm lý ý thức, mà chỉ quan tâm đến hành vi của tồn tại người.

- Hành vi của con người được giải thích theo công thức tổng quát: Cứ có kích thích (S) vào thì sẽ có phản ứng (R) đáp lại: $S \rightarrow R$.

- Hành vi được điều chỉnh theo nguyên tắc của tâm lý học động vật: Thử và sai.

- Có thể điều khiển được hành vi bằng cách biết một trong hai yếu tố (S, R) thì suy ra yếu tố kia ... [2]

Như vậy có thể thấy ưu điểm lớn nhất của tâm lý học hành vi là đã thoát ra khỏi ảnh hưởng của tâm lý học nội quan, đã thấy mặt thể hiện ra bên ngoài của tâm lý, đó là hành vi, và đã lí giải nó một cách tổng quát, đại thể. Trên con đường đi tìm một nền tâm lý học khách quan và đặc biệt là việc ứng dụng vào thực tiễn thì tâm lý học hành vi đã có nhiều đóng góp lớn. Lí thuyết hành vi tạo tác sau này của nhà tâm lý học hành vi bảo thủ B.F. Skinner là một đóng góp quý báu cho phương pháp dạy học chương trình hoá mà ngày nay vẫn còn tính thời sự. Và chính cái công thức $S \rightarrow R$ đã là cơ sở để xây dựng nên hàng loạt những mô hình ngữ pháp tạo sinh tiếng anh và hàng loạt phương pháp dạy học ngoại ngữ, như phương pháp trực tiếp, phương pháp trực tiếp mới, phương pháp nghe nhìn, phương pháp nghe nói và v.v... mà hiệu quả của nó nếu không hơn, thì

cũng không kém gì các phương pháp được xây dựng trên cơ sở của tâm lí học hoạt động.

Tuy vậy, tâm lí học hành vi ngay từ trong bản thân mình đã chứa đựng nhiều tồn tại, kể cả sau này tâm lí học hành vi mới với khái niệm hành vi tổng thể của E. Tolman có đưa vào công thức $S \rightarrow R$ yếu tố X đặc trưng cho tâm lí ($S \rightarrow X \rightarrow R$) và hành vi bảo thủ với khái niệm hành vi tạo tác của B.F. Skinner thì những tồn tại này vẫn không được thay đổi đáng kể. Đó là đã loại trừ tâm lí, ý thức ra khỏi đối tượng nghiên cứu. Đây chính là chỗ dựa để sau này các nhà lí luận dạy học ngoại ngữ đã loại trừ kinh nghiệm, tiếng mẹ đẻ và cả việc dịch ra khỏi quá trình dạy học ngoại ngữ. Đồng thời nó đã máy móc hoá con người, coi con người là cỗ máy vật lí liên hoàn [2], thẳng dẫn vô thức [2], đặt con người vào vị trí bị động (bị kích thích mới phản ứng). Sai lầm cơ bản của tâm lí học hành vi các loại là đã quá coi trọng các kích thích (môi trường), chỉ thấy chúng quyết định máy móc và tuyệt đối đến tâm lí, hành vi con người. Chính điều này làm cho dạy học ngoại ngữ xây dựng trên cơ sở tâm lí học này đặt người học vào vị trí thụ động, không phát huy được vai trò năng động, tích cực của người học, không thấy được sự phong phú, đa dạng tâm lí và tính sáng tạo của người học, làm cho quá trình dạy học không có hứng thú, thiếu động cơ đích thực ... Điểm tồn tại nữa của tâm lí học hành vi là coi việc điều chỉnh hành vi của người cũng giống như của động vật (thú và sai). Tất nhiên con người cũng vẫn dùng nguyên tắc điều khiển hành vi này, con đường kinh nghiệm. Nhưng trong thời đại khoa học, đặc biệt trong nhà trường thì cần dạy cho người học cái đúng ngay, vượt lên trên cái kinh nghiệm. Điều này tâm lí học hành vi

chưa làm được. Còn việc điều khiển hành vi thì cũng chỉ là một sự suy diễn, máy móc. Tâm lí con người phức tạp hơn nhiều. Nếu không thì đã hết người nói dối.

Ngoài ra, đối với dạy học ngoại ngữ, tâm lí học hành vi còn có một phát hiện rất quan trọng, làm thay đổi toàn bộ mục đích và nội dung dạy học. Đó là phát hiện ngôn ngữ là hành động, hành vi lời nói là kĩ xảo. Và tất nhiên kĩ xảo được hiểu là kích thích, phản ứng và cả ngôn ngữ cũng là kích thích, phản ứng. Điều này đã được L. Bloomfield, người đặt nền móng cho chủ nghĩa cấu trúc trong ngôn ngữ, làm rõ bằng thí nghiệm hải tảo nổi tiếng của chàng John và nàng James khi dạo chơi trong vườn [1]. Những phát hiện này của tâm lí học hành vi về ngôn ngữ và lời nói làm thay đổi hẳn đường hướng dạy học ngoại ngữ từ dạy học từ ngữ sang dạy học sinh ngữ, dịch chuyển hẳn mục đích dạy học kiến thức ngôn ngữ sang kĩ xảo lời nói và xây dựng nội dung và đơn vị dạy học là các hành động lời nói. Đồng thời dạy học ngoại ngữ xuất phát từ tâm lí học hành vi đã đặc biệt chú ý đến mặt thao tác của lời nói, hành động lời nói. Tuy nhiên cũng cần thấy ngay ở đây, chỗ tâm lí học hành vi có đóng góp lớn lao cho việc xây dựng một đường hướng dạy học ngoại ngữ mới, bỏ xa tâm lí học liên tưởng, cũng vẫn có một tồn tại rất lớn là không chú ý đến, đúng hơn là không phát hiện ra mối quan hệ của hành động lời nói với hoạt động lời nói có động cơ trong dạy học ngoại ngữ. Điều này đã làm cho quá trình dạy học ngoại ngữ mất đi tính khoa học thực sự phải có.

Dù sao thì tâm lí học hành vi cũng có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xây dựng một quan điểm dạy học ngoại ngữ mới, thiết thực và hiệu quả. Ngày nay nó

đang được các nhà lý luận dạy học ngoại ngữ tiếp tục theo hướng phát huy những ưu điểm và điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, khiếm khuyết bằng chính những kiến thức của tâm lý học hoạt động.

2.3. Tâm lý học hoạt động ra đời muộn hơn tâm lý học hành vi một chút, vào thập kỉ thứ hai của thế kỉ XX, cũng trong xu hướng chung đi tìm lối thoát ra cuộc khủng hoảng của tâm lý học cuối thế kỉ XIX và nhằm xây dựng một nền tâm lý học thực sự khoa học, khách quan. Người đề xướng và đặt nền móng cho tâm lý học hoạt động là L.X.Vưgôtxki, những người cộng tác và kế tục tiêu biểu là A.N. Leonchiev, A.R. Luria, X.L.Rubinstein, Đ.B Enconhin, v.v. Đavưđov và nhiều người khác. Tâm lý học hoạt động có những điểm cơ bản dưới đây:

- Cơ sở triết học của tâm lý học hoạt động là những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin [5]. Đây là điểm khác biệt cơ bản của tâm lý học hoạt động với các lý thuyết tâm lý học khác, làm cho tâm lý học hoạt động có tính khoa học và có khả năng đi xa hơn, tiến bộ hơn các ngành tâm lý học ra đời trước, thực sự là chia khoá để mở ra một hướng đi mới cho dạy học, kể cả dạy học ngoại ngữ.

- Phạm trù nền tảng, khái niệm cốt lõi bao trùm của tâm lý học hoạt động là khái niệm "hoạt động". Chính từ khái niệm thực tiễn (hoạt động thực tiễn) trong chủ nghĩa Mác-Lênin, mà L.X. Vưgôtxki đi đến khái niệm "hoạt động" này trong nền tâm lý học mới của mình. Theo ông, hoạt động là phương thức sống của con người, là sự tác động qua lại chặt chẽ giữa con người (là chủ thể) với sự vật, hiện tượng (là đối

tượng) [5]. Hoạt động, chủ thể, đối tượng quan hệ chặt chẽ với nhau theo sơ đồ sau:

Chủ thể (S) ↔ Hoạt động ↔ Đối tượng (O).

Điều này cho thấy con người, người học được đặt vào vị trí số một, vị trí chủ động, chứ không phải bị động trong quan hệ với đối tượng (môn học). Người học phải chủ động hoạt động để chiếm lĩnh đối tượng là môn học. Mặt khác, đối tượng (môn học) cũng không bị động, mà luôn luôn bộc lộ trong hoạt động để tác động lại chủ thể. Điểm nữa, mối quan hệ giữa chủ thể (người học) và đối tượng (môn học) được duy trì và phát triển nhờ hoạt động. Như vậy, trong dạy học ngoại ngữ, cũng như trong dạy học nói chung cần làm được những điều vừa nêu.

- Hoạt động bao giờ cũng được thực hiện thông qua các phương tiện xã hội. Theo L.X. Vưgôtxki, các phương tiện xã hội được chia làm hai loại: Tư liệu sản xuất (công cụ lao động và cả đồ dùng sinh hoạt) và kí hiệu (trong đó có ngôn ngữ). Hai loại này khác nhau ở hướng tác động. Tư liệu sản xuất có hướng tác động vào đối tượng và làm biến đổi đối tượng, còn kí hiệu lại có hướng tác động vào chủ thể, không làm biến đổi được gì ở đối tượng. Điểm quan trọng là ở chỗ tâm lý học hoạt động đã phát hiện ra bản chất tâm lý của các phương tiện xã hội là năng lực người, chính xác hơn, các phương tiện xã hội chứa đựng hoạt động của con người đã được kết tinh lại dưới dạng các thao tác [5]. Đây chính là chia khoá để L.X.Vưgôtxki đi đến phát hiện ngôn ngữ là một hoạt động [5] và A.A. Leonchiev sau này xây dựng nên lý thuyết hoạt động lời nói [3]. Đây là những cơ sở tâm lý học khoa học để xác định quan điểm dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng như dạy học một hoạt động.

- Nội dung của hoạt động, theo A.N.Leonchiev, gồm ba mặt chính: Trước hết là động cơ (lí do để hoạt động, cái thúc đẩy hoạt động), rồi đến mục đích (để đạt cái gì) và tiếp đó là thực hiện (cái gì, thế nào) nhờ hành động và thao tác phù hợp [4]. Sau này A.A. Leonchiev đã đưa những nội dung này vào hoạt động lời nói [3]. Những điểm này rất có ý nghĩa trong dạy học ngoại ngữ.

- Phát hiện được cấu trúc của hoạt động. Đây là nghiên cứu liên tục của A.N.Leonchiev sau 50 năm, được công bố vào năm 1975 [4]. Cấu trúc này có 6 đơn vị (hoạt động, động cơ, hành động, mục đích, thao tác và phương thức) có quan hệ từng cặp và theo thứ bậc (hoạt động ↔ động cơ; hành động ↔ mục đích; thao tác ↔ phương thức), được triển khai theo hai hướng, hướng cụ thể hoá (từ hoạt động qua hành động xuống thao tác, tương ứng có động cơ qua mục đích xuống phương thức) và hướng khái quát hoá, tức hướng diễn ra ngược lại. Những điều này cũng được A.A.Leonchiev sau này đưa vào lí thuyết hoạt động lời nói [3] và chúng thực sự là những cơ sở khoa học quan trọng của quan điểm dạy học ngoại ngữ như dạy học hoạt động có động cơ.

- Khẳng định, phân biệt và chứng minh được ngôn ngữ, lời nói là hoạt động.

Trong tâm lí học hoạt động, ngôn ngữ được hiểu là phương tiện xã hội, có chức năng giao tiếp và nhận thức. Nó là sự thống nhất giữa hoạt động thông báo (giao tiếp) và hoạt động khái quát (nhận thức) có bản chất xã hội và có bản chất hoạt động (hành động, thao tác); còn lời nói được hiểu là phương thức hình thành và thể hiện ý nhờ ngôn ngữ [1]. Lời nói không chỉ đơn giản là kết quả sử dụng ngôn ngữ, là phần

âm thanh nghe được, mà lời nói là một hoạt động đặc biệt của con người, có cấu trúc và chức năng riêng, hoàn toàn ngang bằng với phạm trù ngôn ngữ [3].

Trong lí thuyết hoạt động lời nói [3], theo A.A. Leonchiev, nội dung thuật ngữ "hoạt động lời nói" có mấy điểm cần lưu ý:

- Hoạt động lời nói như một hoạt động độc lập, trọn vẹn không tồn tại, nó không phải là hoạt động tự nó (tức không có động cơ riêng, nói không phải để nói mà để phục vụ cho hoạt động khác);

- Trong giao tiếp lời nói, hoạt động lời nói chỉ là một hoặc một số hành động lời nói, tức trên thực tế chỉ có hành động lời nói;

- Các hành động lời nói này luôn nhập vào chuỗi các hành động của hoạt động chung (lao động, học tập, vui chơi ...), chịu sự chi phối của động cơ của hoạt động chung đó, nhưng vẫn có mục đích riêng (nói để đạt cái gì) và có cấu trúc xác định (gồm một hệ thống các thao tác lời nói gắn với hệ thống các phương thức thực hiện xác định);

- Song vẫn dùng thuật ngữ hoạt động lời nói (chứ không dùng hành động lời nói) để lưu ý đến quan điểm hoạt động về lời nói;

- Hoạt động lời nói chỉ có đủ tính thuật ngữ (tức có động cơ riêng của mình) ở trong quá trình đang nắm vững ngôn ngữ, trong quá trình dạy học tiếng, đặc biệt trong quá trình dạy học ngoại ngữ.

Như vậy, khi đã nắm vững ngôn ngữ, khi sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp và nhận thức thì không có hoạt động lời nói đích thực. Hoạt động lời nói chỉ có đầy đủ tính thuật ngữ (tức có động cơ riêng) khi chưa nắm vững ngôn ngữ, chính xác hơn, khi dạy học để nắm vững ngôn ngữ đó. Từ đây

thấy rất rõ sự khác nhau giữa dạy học tiếng mẹ đẻ (người học đã nắm vững tiếng này ở những mức độ nhất định) và dạy học tiếng nước ngoài (người học hoàn toàn chưa nắm vững tiếng này chút nào), đồng thời cũng cho thấy sự khác nhau giữa dạy học tiếng nước ngoài ở giai đoạn cơ sở với giai đoạn nâng cao. Dạy tiếng nói chung và dạy ngoại ngữ nói riêng, từ nội dung thuật ngữ hoạt động lời nói đòi hỏi phải tổ chức được hoạt động lời nói tiếng nước ngoài đích thực, tức phải tạo được động cơ của hoạt động lời nói này cho người học, tất nhiên các mức độ đầy đủ hay một phần của động cơ là có khác nhau. Điều này tuy thuộc vào mức độ đã nắm vững thứ tiếng này ở người học lúc khởi đầu quá trình dạy học.

Những nội dung trên của tâm lý học hoạt động rõ ràng đã mở ra và xác lập cho dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng, một đường hướng, một quan điểm, cũng như mục đích, nội dung và phương pháp tiến hành rất mới, khoa học và tin cậy.

3. Trên cơ sở phân tích, đánh giá trên đây về nội dung khoa học của các quan điểm tâm lý học liên tưởng, tâm lý học hành vi và tâm lý học hoạt động như trên, chúng tôi xin nêu một số điểm dưới đây đối với dạy học ngoại ngữ, cụ thể:

- Ngoại ngữ được hiểu là một sinh ngữ được cá nhân cụ thể sử dụng để giao tiếp và nhận thức. Đây là một phát hiện quan trọng của tâm lý học hành vi và được tâm lý học hoạt động khẳng định. Điều này đã chấm dứt đường hướng dạy học từ ngữ, chỉ dạy học kiến thức, mà không dạy học kỹ năng, hoạt động trong dạy học ngoại ngữ, mở ra một đường hướng mới của dạy học ngoại ngữ - dạy học sinh ngữ, dạy học ngôn

ngữ sống động của các cá nhân để giao tiếp và nhận thức. Đây là đường hướng thực hành giao tiếp đang được tiếp nhận và phát triển.

- Ngôn ngữ được tâm lý học hoạt động làm rõ có bản chất tâm lý là hoạt động. Lời nói là một phạm trù ngang bằng với phạm trù ngôn ngữ và có cấu trúc riêng, cấu trúc này có đầy đủ tính thuật ngữ (tức có động cơ thúc đẩy) trong quá trình dạy học tiếng nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. Do đó cần xây dựng phương pháp tiếp cận, quan điểm dạy học ngoại ngữ, theo nguyên tắc hoạt động. Kết hợp với những điều đã trình bày ở trên, đến đây có thể nói đường hướng dạy học ngoại ngữ, quan điểm dạy học ngoại ngữ khoa học, hiện đại là đường hướng, quan điểm thực hành -giao tiếp hay đường hướng giao tiếp - hoạt động.

- Tâm lý học hoạt động cũng xây dựng được đầy đủ cơ sở khoa học để khẳng định vai trò tích cực của chủ thể (người học) mang tính trực tiếp quyết định trong dạy học nói chung và trong dạy học ngoại ngữ nói riêng. Tính tích cực này do động cơ của hoạt động quy định. Do đó đường hướng, quan điểm dạy học thực hành - giao tiếp hay giao tiếp - hoạt động được gọi đầy đủ là đường hướng, quan điểm giao tiếp- hoạt động có động cơ. Song hoạt động bao giờ cũng gắn với động cơ, được đặc trưng bởi động cơ nên có thể gọi tắt là đường hướng hay quan điểm giao tiếp -hoạt động, mà vẫn bao hàm là có động cơ.

- Để thực hiện quan điểm giao tiếp, tâm lý học hành vi đã chỉ ra cơ sở để xác lập mục đích của dạy học ngoại ngữ là các kỹ xảo lời nói (habits) và đơn vị của dạy học là các hành động lời nói với các phương pháp triệt để tuân theo nguyên tắc kích thích (S) vào thì có phản ứng (R) đáp lại

(S→R), phủ nhận vai trò tích cực của chủ thể người học, loại trừ tính ý thức, kinh nghiệm, tiếng mẹ đẻ. Các phương pháp này rất có tác dụng đối với hình thành kĩ xảo lời nói, song đã bỏ qua rất nhiều yếu tố tích cực trong dạy học.

Cũng để thực hiện quan điểm giao tiếp, tâm lí học hoạt động đã xây dựng được cơ sở khoa học để xác lập mục đích của dạy học ngoại ngữ là dạy học kĩ năng lời nói. Muốn vậy nội dung dạy học phải triển khai cả một hoạt động lời nói ngoại ngữ có động cơ, mà hành động lời nói là đơn vị dạy học quan trọng nhất vì hành động lời nói là đơn vị cách mạng nhất trong cấu trúc của hoạt động. Nó được coi là đơn vị cách mạng nhất vì nó chứa đựng các khả năng biến động nhất, có thể cụ thể thành thao tác và cũng có thể khai triển thành hoạt động, tương ứng của sự biến động này, mục đích cụ thể thành phương thức và cũng có thể khai triển thành động cơ. Các nhiệm vụ của dạy học được đặt ra là phải tạo được động cơ, xây dựng được mục đích và các phương pháp thích hợp cho người học. Các phương pháp này cần tính đến tính tích cực của chủ thể học tập, đến

vai trò của ý thức, kinh nghiệm, tiếng mẹ đẻ ... Như vậy tâm lí học hoạt động rõ ràng đã xác lập được những cơ sở khoa học toàn diện, chắc chắn, tin cậy hơn cho dạy học ngoại ngữ.

- Song cũng cần thấy rằng dạy học ngoại ngữ theo quan điểm được tâm lí học hành vi và tâm lí học hoạt động xây dựng nên rất chú ý đến kĩ xảo, kĩ năng lời nói, đến mặt thực hành của lời nói, để loại bỏ các kiến thức ngôn ngữ mà tâm lí học liên tưởng nêu ra. Tâm lí học hoạt động và thực tế dạy học ngoại ngữ đã chỉ ra kiến thức ngôn ngữ và kĩ xảo, kĩ năng lời nói có quan hệ mật thiết với nhau; kĩ xảo, kĩ năng lời nói bao giờ cũng tương ứng với kiến thức ngôn ngữ xác định; không có kĩ xảo, kĩ năng lời nói trần trụi, không gắn với kiến thức ngôn ngữ. Do đó dạy học ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp – hoạt động trong khi lấy kĩ xảo, kĩ năng lời nói làm mục đích thì vẫn phải tính đến hợp lí các kiến thức ngôn ngữ tương ứng. Chỉ có như vậy thì dạy học ngoại ngữ dựa trên cơ sở tâm lí học hoạt động khoa học nhất mới thực sự đầy đủ và mang lại hiệu quả và chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dimuhia I.A., *Những mặt tâm lí học của dạy nói tiếng nước ngoài*, NXB Giáo dục, Matxcơva, 1985.
2. Phạm Minh Hạc, *Hành vi và hoạt động*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1989.
3. Leonchiev A.A., *Những cơ sở của lí thuyết hoạt động lời nói*, NXB Khoa học, Matxcơva, 1974.
4. Leonchiev A.N., *Hoạt động, ý thức, Nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1989.
5. Vưgốtxki L.X., *Tuyển tập tâm lí học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.

A PSYCHOLOGICAL BACKGROUND FOR FOREIGN LANGUAGE TEACHING

Assoc. Prof. Dr. Tran Huu Luyen

College of Foreign Languages- VNU

The article deals with the psychological aspect of the fundamental factors in foreign language teaching. It analyses the main arguments from various psychological schools for the establishment of dimension, approaches, target, content and methodology for foreign language teaching. It also clarifies the drawbacks as well as strong points of each school and finally gives some recommendations for foreign language teaching. The article is a good reference for foreign language teachers and researchers.